

Số: 43 /KH-BQLKKT

Kon Tum, ngày 20 tháng 7 năm 2016

## KẾ HOẠCH Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2017

Thực hiện công văn số 554/STTTT-CNTT ngày 05/7/2016 của Sở Thông tin và truyền thông về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2017. BQL Khu kinh tế tỉnh Kon Tum lập kế hoạch như sau:

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005; Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị; Chương trình công tác của BQL Khu kinh tế.

### II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN

#### 1. Môi trường pháp lý:

Trên cơ sở Quyết định số 859/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình số 74-CTr/TU, ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-BQLKKT ngày 07/01/2016 để triển khai quyết định trên.

#### 2. Hạ tầng kỹ thuật:

- Cơ sở hạ tầng CNTT của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị như:

+ Đã xây dựng mạng nội bộ (mạng LAN) kết nối toàn cơ quan và các đơn vị trực thuộc, 100% CBCCVC có máy vi tính để phục vụ công tác chuyên môn; tất cả máy tính trong cơ quan đều kết nối mạng Internet.

+ Số lượng máy chủ: 02 máy, cấu hình: Intel xeon(R) CPU E5-24070, 2.27GHz; RAM: 4 GB; HDD: 1 terabyte (đang sử dụng); Intel xeon(R) CPU, E5520, 2.27GHz, RAM 4Gb (đã hỏng).

- Chia sẻ dữ liệu trong Ban Quản lý chủ yếu qua hệ thống eOffice, việc xây dựng hệ thống tường lửa (firewall) để ngăn chặn, phát hiện truy nhập trái phép vào hệ thống chưa được thực hiện. Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đã từng bước được lãnh đạo đơn vị quan tâm như trang bị phần mềm

chống virus BKAV cho tất cả các máy tính cá nhân.

- Khó khăn: Về thiết bị hạ tầng CNTT cơ bản mới chỉ đáp ứng tối thiểu cho hoạt động ứng dụng CNTT. Việc trang bị mới, bổ sung, nâng cấp thiết bị gặp khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu, một số tài sản cố định là thiết bị vi tính, máy in, máy scanner đã hư hỏng, hết khấu hao. Đường truyền internet hay bị lỗi do ảnh hưởng của thời tiết, địa hình.

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan:**

*3.1. Tình hình sử dụng hệ thống thư điện tử:* Sử dụng hộp thư điện tử công vụ để gửi và nhận văn bản trong qua trình hoạt động của cơ quan, 100% văn bản đi được gửi qua hộp thư công vụ. Thư điện tử cá nhân được sử dụng thường xuyên. Qua việc sử dụng thư điện tử công vụ đã giúp việc gửi nhận văn bản thuận tiện, nhanh chóng. Phát huy hiệu quả hộp thư điện tử công vụ, sử dụng thư điện tử để gửi, nhận các loại văn bản, đưa bộ thủ tục hành chính của cơ quan lên trang thông tin điện tử, thực hiện trao đổi thông tin giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

*3.2. Tình hình sử dụng phần mềm văn phòng điện tử - eOffice:* Văn thư sử dụng phần mềm văn phòng điện tử eOffice để chuyển và lưu trữ văn bản đi, đến, xử lý 100% văn bản đi, đến trên phần mềm (*trừ văn bản mật*). Qua việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử để trao đổi văn bản đã hạn chế in ấn bằng giấy tờ, góp phần tiết kiệm kinh phí; đặc biệt có hiệu quả đã giảm thời gian đi lại hoặc hội họp đặc biệt đối với BQLKKT khi điều kiện đi lại xa xôi, các đơn vị trực thuộc làm việc rải rác không tập trung.

*3.3. Các ứng dụng khác:* Triển khai đến các máy trạm sử dụng phần mềm có bản quyền như: MS Office 2010, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý công chức viên chức (do Sở Nội vụ hướng dẫn) ngoài ra còn sử dụng một số phần mềm không phải trả phí bản quyền.

### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Địa chỉ chính thức trang thông tin điện tử của đơn vị: <http://kkt-kontum.gov.vn>, được triển khai chủ động linh hoạt trong việc thu thập, cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử.

Thường xuyên cập nhật hoạt động của đơn vị và đưa những thông tin theo quy định như: Tình hình hoạt động của đơn vị, Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế, thông tin các dự án kêu gọi đầu tư, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư,....

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, đưa bộ thủ tục hành chính của đơn vị lên trang thông tin điện tử của cơ quan để phục vụ việc thực hiện cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Phát huy hiệu quả các tính năng của Trang thông tin điện tử của đơn vị với việc cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc

cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

### 5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT:

Hầu hết công chức, viên chức, nhân viên các phòng, đơn vị trực thuộc có trình độ tin học văn phòng, một số có chứng chỉ KTV tin học. Về công chức chuyên trách về CNTT (quản trị mạng) hiện có 01 nhân viên hợp đồng. Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT còn chưa thực sự chú trọng, hầu hết công chức, viên chức, nhân viên chủ động tự học hỏi nâng cao trình độ là chính (Có phụ lục I kèm theo).

### 6. Báo cáo kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2016:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí (đ)	Nội dung/hạng mục công việc năm 2016 (đ)	Dự kiến kinh phí năm 2016 (đ)
1	Máy chiếu	01 cái	2016	BQLKKT	37.550.000	37.550.000	37.550.000
2	Dàn âm thanh Tại Hội trường Trạm	01 Bộ	2016	BQLKKT	98.900.000	98.900.000	98.900.000
	<b>Cộng</b>				<b>136.450.000</b>	<b>136.450.000</b>	<b>136.450.000</b>

### III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2017

Tập trung các nhiệm vụ ưu tiên triển khai năm 2017 phù hợp với các mục tiêu của Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh và các nội dung sau:

- Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị; ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, kế toán, ứng dụng văn phòng điện tử, ...

- Ứng dụng CNTT trong phục vụ người dân, doanh nghiệp: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng tại bộ phận một cửa. Chi hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang TTĐT của cơ quan, đơn vị ....

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hoạt động tại cửa khẩu để cung cấp thông tin cho hành khách.

### III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

#### 1. Hạ tầng kỹ thuật:

Tiếp tục phát triển và nâng cấp hạ tầng CNTT trong toàn cơ quan (bổ sung, sửa chữa, nâng cấp, thay thế hệ thống máy móc, thiết bị điện tử) đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, chuyên môn); tăng cường ứng dụng CNTT trong trao đổi, chỉ đạo và điều hành công việc giữa lãnh đạo với các bộ phận chuyên môn, giữa các Phòng, đơn vị với nhau đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi, giảm thiểu chi phí, tăng hiệu suất, hiệu quả công tác. Khuyến cáo đến các cá nhân sử dụng máy tính có biện pháp sao lưu, bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân.

## **2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động tại đơn vị:**

- Phát huy tối đa các tính năng của phần mềm quản lý văn bản và điều hành eOffice trong đơn vị. Ứng dụng công cụ liên thông phần mềm quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp - eOffice toàn bộ trong năm 2017.

- Tăng cường sử dụng, gửi, nhận văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan, trao đổi thông tin giữa cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và giữa cá nhân.

- Cung cấp, cập nhật kịp thời thông tin chỉ đạo, điều hành và các hoạt động của cơ quan lên Trang thông tin điện tử. Cung cấp, cập nhật thông tin, bộ thủ tục hành chính, văn bản hướng dẫn các cơ quan chuyên môn được đưa lên Trang thông tin điện tử của đơn vị đảm bảo theo đúng quy định, phục vụ công tác.

- Trang bị các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị.

- Duy trì việc sử dụng phần mềm diệt virus có bản quyền để hạn chế tới mức tối thiểu sự xâm nhập phá hoại của virus, mã độc;

## **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Phát huy hiệu quả các tính năng Trang thông tin điện tử của đơn vị với việc cung cấp đầy đủ các hệ thống thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

Cung cấp thủ tục hành chính mức độ 2; xây dựng dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện kê khai, tiếp nhận thủ tục đầu tư nước ngoài trực tuyến qua hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài tại BQL khu kinh tế tỉnh.

## **4. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin**

- Cử CBCCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chung (sử dụng, vận hành các chương trình ứng dụng CNTT...); nâng cao năng lực chuyên môn công chức làm chuyên trách về công nghệ thông tin.

## **IV. GIẢI PHÁP:**

- 1. Giải pháp về tài chính:** Hàng năm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT tại đơn vị và bố trí, đảm bảo kinh phí thực hiện.

## 2. Giải pháp triển khai:

- Tiến hành rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT bảo đảm ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan bao gồm: máy chủ, máy trạm, thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng, nâng cấp máy tính.

- Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Trang thông tin điện tử, điện thoại cố định, điện thoại di động; bộ phận một cửa....

- Xây dựng, triển khai hạ tầng hệ thống an toàn thông tin.

## 3. Giải pháp tổ chức:

Tiếp tục thực hiện các nội dung Chỉ thị 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 859/QĐ-UBND, ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 15/4/2015 của Chính phủ và Chương trình số 74-CTr/TU, ngày 09/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

## 4. Giải pháp về môi trường chính sách:

Chủ động nghiên cứu ban hành quy định mức hỗ trợ.... phù hợp với điều kiện của đơn vị nhằm khuyến khích cán bộ phụ trách theo dõi, tham mưu về ứng dụng CNTT tại đơn vị.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện kế hoạch theo các nội dung sau:

STT	Nội dung dự kiến thực hiện	Thời gian dự kiến thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến kinh phí năm 2017	
01	Màn hình tivi + đầu video	Quý II/2017	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	NSDP hoặc NSTU	
02	Bộ vi tính để bàn	Quý II/2017	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	NSDP hoặc NSTU	
03	Chi phí nâng cấp trang thông tin điện tử của Ban Quản lý khu kinh	Quý III/2017	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	NSDP hoặc NSTU	

tế tỉnh				
---------	--	--	--	--

**2. Lập khai toán:** (Có phụ lục II kèm theo).

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Văn phòng chủ trì phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính và các phòng, đơn vị trực thuộc tham mưu đề xuất, dự kiến nguồn kinh phí, nhân lực ... để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Lãnh đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức nội dung kế hoạch và tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, đồng thời chủ động, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan, đảm bảo đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo lãnh đạo Ban (qua Văn phòng) để có hướng chỉ đạo, giải quyết./.

### Nơi nhận:

- Sở TT&TT tỉnh;
- Lãnh đạo BQLKKT;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

19 TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN

VŨ MẠNH HẢI



**PHỤ LỤC II**  
**KHÁI QUÁT ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2017**  
 (kèm theo Kế hoạch số: 43 /KH-BQLKKT ngày 20 /7/2016  
 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

**1. Đơn vị thực hiện:** Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

**2. Mục tiêu đầu tư:**

- Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị; ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, kế toán, ứng dụng văn phòng điện tử, ...

- Ứng dụng CNTT trong phục vụ người dân, doanh nghiệp: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng tại bộ phận một cửa. Chi hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang TTĐT của cơ quan, đơn vị ....

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hoạt động tại cửa khẩu để cung cấp thông tin cho hành khách.

**3. Kinh phí đầu tư:**

- Xác định tổng mức đầu tư: 120 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí: NSDP hoặc NSTU

ĐVT: 1000 đồng

Số TT	Thiết bị	Số lượng	Bảo hành	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phí xây lắp</b>					
1						
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị (phần cứng, phần mềm, đào tạo, ...)</b>					
<b>A</b>	<b>Phần cứng</b>					
1	Màn hình tivi + đầu video	2 bộ	2 năm	15.000	30.000	Cung cấp các thông tin đối ngoại liên quan đến đất nước, con người Việt Nam



						và các thông tin khác của tỉnh Kon Tum tại cửa xuất, cửa nhập tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y.
2	Bộ vi tính để bàn	6 bộ	2 năm	10.000	60.000	ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hỗ trợ doanh nghiệp làm thủ tục hải quan điện tử tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y
B	Phần mềm (định giá theo công văn hướng dẫn số 2589/BTTTT-ƯDCNTT)					
2	Chi phí nâng cấp trang thông tin điện tử của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	1	1 năm	15.000	15.000	
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>					
1						
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý</b>					
1	Chi hỗ trợ nhuận bút, thù lao, biên tập tin, bài cho trang TTĐT của cơ quan, đơn vị				15.000	





**PHỤ LỤC I**  
**HIỆN TRẠNG CNTT ĐẾN NĂM 2016**  
 (kèm theo Kế hoạch số 43/KH-BQLKKT ngày 20/7/2016  
 của Ban Quản lý khu kinh tế)

**A. THIẾT BỊ**

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm trang bị	Hiện trạng thiết bị	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Văn phòng. Số lượng công chức, nhân viên: 14 người (cả lãnh đạo)</b>				
1	Máy Server	02	2011, 2014	01 hỏng, 01 đang sử dụng bình thường	01 máy Sở TTTT cấp
2	Máy tính để bàn	04	2007, 2008	Đang sử dụng	
3	Máy tính xách tay	04	2006, 2007, 2008	Đang sử dụng, nhưng tốc độ chậm	
4	Máy in	05	2006, 2007, 2008, 2015	Đang sử dụng	
5	Máy scan	02	2007, 2013	Đang sử dụng	
6	Tường lửa	Có			
7	Thiết bị mạng	Có			
<b>II</b>	<b>Phòng Kế hoạch tổng hợp. Số lượng công chức: 7 người</b>				
1	Máy tính để bàn:	03	2007	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay:	04	2007, 2008	Đang sử dụng	
3	Máy in: Mã sản phẩm: canon LBP-3300, hp P-1005	02	2009	Đang sử dụng	
<b>III</b>	<b>Phòng Quản lý đầu tư: Số lượng công chức: 6 người</b>				
1	Máy tính để bàn:	04	2007, 2008	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay:	03	2007, 2008	Đang sử dụng	
3	Máy in	03	2007, 2008	Đang sử dụng	
<b>IV</b>	<b>Phòng Quản lý doanh nghiệp. Số lượng công chức: 7 người.</b>				
1	Máy tính để bàn:	06	2007, 2008, 2009	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay:	02	2009, 2010	Đang sử dụng	
3	Máy in: Mã sản phẩm	03	2007, 2008	Đang sử dụng	
<b>V</b>	<b>Phòng Quản lý TNMT. Số lượng công chức: 7 người.</b>				

1	Máy tính để bàn	06	2006, 2007, 2008, 2009	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay	04	2006, 2007, 2015	Đang sử dụng	
3	Máy in	04	2006, 2007, 2009	Đang sử dụng	
<b>VI Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng. Số lượng công chức: 6 người.</b>					
1	Máy tính để bàn	04	2006, 2007	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay	02	2006, 2007	Đang sử dụng	
3	Máy in	03	2006, 2007	Đang sử dụng	
<b>VII Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Số lượng công chức: 8 người.</b>					
1	Máy tính để bàn	04	2007	Đang sử dụng	
2	Máy tính xách tay	02	2007, 2010	Đang sử dụng	
3	Máy in	03	2006, 2007, 2009	Đang sử dụng	
4	Máy scan	01	2016	Đang sử dụng	
5	Tường lửa	Có			
6	Thiết bị mạng	Có			
<b>VIII Công ty ĐPTHT khu kinh tế tỉnh. 51 CCVC, LĐ.</b>					
2	Máy tính để bàn	10	2006, 2007, 2008, 2009, 2010	Đang sử dụng	
3	Máy tính xách tay	4	2010, 2011	Đang sử dụng	
4	Máy in	6	2006, 2007, 2008, 2011	Đang sử dụng	
5	Máy scan	0			
6	Tường lửa	Có			
7	Thiết bị mạng	Có			

## B. PHẦN MỀM

STT	Tên dự án, đề án đầu tư ứng dụng CNTT	Số lượng	Năm triển khai/ thực hiện	Đánh giá		Ghi chú
				Cần thiết	Hiệu quả	
I	Phần mềm ứng					

	<b>dụng nội bộ</b>					
1	Phần mềm quản lý văn bản	01	2011	X	X	
2	Phần mềm một cửa					
3	Thư điện tử công vụ	02	2012	X	X	
4	Hội nghị trực tuyến					
<b>II</b>	<b>Phần mềm, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp</b>					
1	Trang thông tin điện tử	1		X	X	
2	Dịch vụ công trực tuyến	20		X	X	
3	Một cửa điện tử					
<b>III</b>	<b>Phần mềm có bản quyền</b>					
1	Diệt virus			X	X	Trang bị cho máy tính
2	Kế toán	01		X	X	
3	Quản lý CBCCVC	01		X	X	